

Số: /SNN&PTNT-TT&BVTV

V/v đăng ký kế hoạch sản xuất trồng
trọt năm 2023.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022, để có cơ sở tham mưu xây dựng Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả năm 2022 và đăng ký kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2023 theo các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất trồng trọt năm 2022

1.1. Diện tích (ha), năng suất (tạ/ha), sản lượng (tấn)

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: cả năm; trong đó: vụ Đông, vụ Xuân, vụ Thu Mùa.

- Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính: Cả năm 2022, vụ Đông, vụ Xuân, vụ Thu Mùa (ước đạt): Lúa, ngô, lạc, rau, đậu, mía, sắn, cói, ...

(Báo cáo theo Phụ lục 1)

- Diện tích, sản lượng cây cao su hiện có; diện tích trồng mới năm 2022 nếu có, diện tích chuyển trồng cây khác năm 2022.

- Diện tích, sản lượng cây gai xanh; diện tích trồng mới năm 2022.

1.2. Báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cả năm 2022

- Diện tích đất trồng lúa chuyển đổi và loại cây trồng trên đất chuyển đổi.

Lưu ý: diện tích đất trồng lúa chuyển đổi linh hoạt sang trồng cây khác trong các năm trước nhưng năm 2022 vẫn chuyển đổi mà chưa quay lại trồng lúa thì vẫn là diện tích thực hiện năm 2022; diện tích chuyển trồng cây lâu năm = diện tích gieo trồng thực tế x 2.

(Báo cáo theo Phụ lục 2)

- Hiệu quả một số mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (tên mô hình, diện tích, địa điểm, hiệu quả - triệu đồng/ha, gấp bao nhiêu lần so với trồng lúa).

- Các văn bản đã ban hành trong năm 2022 về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (Hướng dẫn, quyết định, kế hoạch, chỉ đạo, ...).

- Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) trong thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

1.3. Diện tích (ha) vùng thâm canh: lúa, ngô, mía nguyên liệu, rau an toàn, cây thức ăn chăn nuôi, hoa cây cảnh tập trung, cây ăn quả tập trung.

1.4. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất năm 2022 (Kế hoạch, khối lượng thực hiện, giải ngân, ...)

- Chính sách tích tụ, tập trung đất đai;
- Chính sách phát triển cây gai xanh nguyên liệu;
- Chính sách phát triển cây ăn quả tập trung;
- Chính sách phát triển sản xuất vụ Đông;

.....

1.5. Kết quả thực hiện các nội dung khác

- Tổng diện tích, số doanh nghiệp liên kết bao tiêu sản phẩm theo hợp đồng (liệt kê đối tượng cây trồng, quy mô diện tích, sản lượng, giá sản phẩm, hiệu quả từng mô hình liên kết).

- Diện tích cây trồng được chứng nhận VietGAP, ... (liệt kê đối tượng cây trồng, diện tích, địa điểm).

- Diện tích cây trồng được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ hoặc theo hướng hữu cơ (diện tích, đối tượng cây trồng, địa điểm)

- Diện tích cây trồng được chứng nhận tiêu chuẩn khác (nếu có) (diện tích, đối tượng cây trồng, địa điểm).

- Diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ cao (liệt kê đối tượng cây trồng, diện tích, địa điểm).

.....

2. Mục tiêu; dự báo thuận lợi, khó khăn; giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2023

2.1. Mục tiêu

- Kế hoạch tổng diện tích gieo trồng cả năm (ha); trong đó: vụ Đông, vụ Xuân, vụ Thu Mùa.

- Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính: lúa, ngô, lạc, rau, đậu, mía, mía nguyên liệu, cây gai xanh nguyên liệu, sắn, sắn nguyên liệu, cói,; phân rõ từng vụ Đông, Xuân, Thu Mùa.

(Đăng ký theo Phụ lục 3)

2.2. Nhận định về thuận lợi, khó khăn

2.3. Một số giải pháp chính

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch, phương án sản xuất trồng trọt hàng năm, hàng vụ đến từng địa phương, cơ sở.

- Phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng hiệu quả sản xuất thấp sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, trong đó tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, rà soát chuyển đổi diện tích sản bị nhiễm bệnh khảm lá, diện tích cây mía nguyên liệu năng suất thấp, cây cao su được UBND tỉnh cho chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao gắn với liên kết bao tiêu sản phẩm như cây gai xanh nguyên liệu, ...;

2.4. Kiến nghị đề xuất của địa phương (nếu có)

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm triển khai thực hiện các nội dung nêu trên. Báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT bằng văn bản (*bản mềm gửi theo địa chỉ mail: phongtrongtrot.th@gmail.com*) **trước ngày 15/8/2022** để tổng hợp xây dựng kế hoạch trồng trọt tỉnh Thanh Hóa năm 2023 báo cáo, tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, TT&BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Việt Chọn

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện sản xuất trồng trọt năm 2022

STT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
I	Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Đông			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Thu Mùa			
II	Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính			
1	Lúa cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Mùa			
	a) Lúa lai			
	b) Lúa thuần			
	c) Lúa chất lượng cao			
	d) Lúa nếp, lúa đặc sản			
	e) Lúa sản xuất giống lai F1			
	g) Lúa sản xuất giống thuần			
	f) Lúa nương			
2	Ngô cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Đông			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Thu			
	a) Ngô hạt			
	b) Ngô thực phẩm (ngô đường, Ngô rau, ngô nếp)			
	c) Ngô sản xuất giống F1			
	d) Ngô sinh khối thức ăn chăn nuôi			
3	Lạc cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
4	Rau cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
5	Đậu cả năm			

	Trong đó:			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
6	Ớt cả năm			
	Trong đó:			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
7	Mía			
	Trong đó: Mía nguyên liệu			
8	Sắn			
	Trong đó: Sắn nguyên liệu			
9	Cói			
...	...			
10	Diện tích các cây trồng khác			

Phụ lục 2: Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2022

TT	Loại cây trồng/thủy sản	Diện tích (DT) đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng DT	Đất 2 vụ lúa	Đất 1 vụ lúa	Đất Lúa nương
	Tổng				
I	Cây hàng năm				
1	Cây ngô				
2	Ớt				
3	Cây TACN (cỏ, ngô dày, ...)				
4	Mía				
5	Hoa cây cảnh				
6	Rau				
7	Dược liệu				
...				
II	Cây lâu năm				
1	Cây ăn quả				
2	Cây đào cảnh				
...				
III	Lúa - thủy sản				
1	Lúa - cá				
2	Lúa - Tôm				
...				

Phụ lục 3: Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2023

STT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
I	Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Đông			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Thu Mùa			
II	Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính			
1	Lúa cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Mùa			
2	Ngô cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vụ Đông			
	- Vụ Xuân			
	- Vụ Thu			
3	Lạc cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
4	Khoai tây cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
5	Khoai lang cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
6	Rau cả năm			
	<i>Trong đó:</i>			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
7	Đậu cả năm			

	Trong đó:			
	Vụ Đông			
	Vụ Xuân			
	Vụ Thu			
8	Ớt cả năm			
	Trong đó:			
	Vụ Thu Đông			
	Vụ Đông Xuân			
9	Mía			
	Trong đó: Mía nguyên liệu			
10	Sắn			
	Trong đó: Sắn nguyên liệu			
11	Gai xanh nguyên liệu			
12	Cói			
...	...			
13	Diện tích các cây trồng khác			